

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2854 /BSR-VPĐQT

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 5 năm 2024

V/v Công bố Nghị quyết về việc Phê
duyet Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh
doanh năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty: Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn
- Mã chứng khoán: BSR
- Địa chỉ trụ sở chính: số 208 Đại lộ Hùng Vương, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- Điện thoại: 0255 3825825 Fax: 0255 3825826
- Người thực hiện công bố thông tin: ông Hạng Anh Minh - Người được ủy quyền công bố thông tin theo Giấy ủy quyền số 4604/UQ-BSR ngày 31/07/2023. Chức vụ: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
- Loại thông tin công bố: 24 giờ Bất thường Định kỳ Theo yêu cầu
- Nội dung thông tin công bố: Ngày 30/05/2024, Hội đồng quản trị BSR thông qua Nghị quyết số 1690/NQ-BSR về việc Phê duyệt Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của BSR vào ngày 31/05/2024 tại đường dẫn www.bsr.com.vn, chuyên mục Nhà đầu tư.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

Nơi nhận:

- Như trên (Công bố điện tử);
- HĐQT;
- BKS;
- TGD;
- Ban: KTĐT, KD, TCKT, PCRR, KSNB;
- Lưu: VT, VPĐQT.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT**



Hạng Anh Minh

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết số 1690/NQ-BSR ngày 30/05/2024

Số: 1690/NQ-BSR

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Nghị quyết số 1575/NQ-BSR ngày 23/5/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn ban hành theo Quyết định số 2710/QĐ-BSR ngày 17/4/2023;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 1656/TTr-BSR ngày 29/5/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao nhiệm vụ Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2024 của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (BSR) cho Tổng Giám đốc với nội dung như các Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo các Ban chức năng, Chi nhánh, Người đại diện của BSR tại các doanh nghiệp khác và đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các công việc tiếp theo, theo đúng các nội dung được phê duyệt tại **Điều 1**, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Nghị quyết số 43/NQ-BSR ngày 08/01/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 tạm thời của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn.

Điều 4. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Ban Giám đốc Nhà máy, Người phụ trách quản trị, Chánh văn phòng, Trưởng các Ban chức năng, Chi nhánh trực thuộc Công ty và Người đại diện của BSR tại các doanh nghiệp khác chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BCH Đảng bộ BSR (đề b/cáo);
- TV HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Ban GĐNM;
- Các Ban chức năng, Chi nhánh;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hội



PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024 CỦA CÔNG CỔ PHẦN LỌC HÓA DẦU BÌNH SƠN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 1690/NQ-BSR ngày 30/5/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn)

I. Nhiệm vụ

1. Tập trung vận hành Nhà máy lọc dầu (NMLD) Dung Quất an toàn, ổn định, liên tục ở công suất tối ưu, cơ cấu sản phẩm phù hợp với nhu cầu và tình hình thị trường, tối đa hoá hiệu quả sản xuất kinh doanh (SXKD) của BSR. Đồng thời nghiêm túc thực hiện tốt công tác an toàn – sức khỏe – môi trường, phòng chống cháy nổ tại Nhà máy.
2. Tập trung nguồn lực để thực hiện công tác Bảo dưỡng tổng thể lần 5 (TA5) đảm bảo an toàn, chất lượng, tối ưu chi phí và tiến độ so với kế hoạch được duyệt. Đồng thời, phát huy tối đa việc tự chủ, nguồn nhân sự của BSR/các đơn vị trong ngành/trong nước cho quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa để tiết giảm chi phí và hiệu quả công tác bảo dưỡng.
3. Chủ động, linh hoạt trong công tác mua dầu thô, đảm bảo nguồn dầu thô cung cấp cho vận hành Nhà máy
4. Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá thông tin dự báo giá dầu thô và sản phẩm, chi phí vận chuyển/bảo hiểm, thông tin cung - cầu của thị trường trong nước và ngoài nước, rủi ro địa chính trị tại khu vực và quốc tế,... để xây dựng và cập nhật các kịch bản, giải pháp điều hành SXKD phù hợp, linh hoạt và kịp thời nhằm tận dụng tối đa cơ hội và giảm thiểu rủi ro đến hoạt động SXKD của BSR
5. Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm các loại nguyên liệu (dầu thô và/hoặc các cấu tử trung gian) mới để không ngừng mở rộng giỏ dầu thô/ cấu tử trung gian cho Nhà máy, nâng cao sản lượng và hiệu quả SXKD.
6. Nghiên cứu, xem xét cơ hội hợp tác với các đối tác có tiềm năng và năng lực để có các giải pháp phù hợp nhằm đa dạng và phát triển thị trường sản phẩm hóa dầu.
7. Thường xuyên nghiên cứu và tối ưu hóa: (i) cơ cấu sản phẩm phù hợp với đặc tính của các hỗn hợp dầu thô chế biến, nhu cầu thị trường và công suất vận hành của các phân xưởng; (ii) tiêu thụ HPXT, vật tư tiêu hao, vật tư phụ tùng thay thế (spare parts), v.v... (gắn liền với công tác kiểm soát và cập nhật bộ định mức); (iii) năng lượng, tổn thất và mất mát, v.v... để góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.

Trang 1/5



Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	
6	Jet A1	Tấn	417.652	417.652
7	Diesel Oil	Tấn	2.281.113	2.281.113
8	Fuel Oil	Tấn	151.557	84.466
9	Lưu huỳnh	Tấn	3.000	3.000
	TỔNG	Tấn	5.727.735	5.660.644

2. Kế hoạch tài chính toàn Công ty (Hợp nhất)

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	95.274,4
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.291,3
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.148,2
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	10.597,6
5	Năng suất lao động bình quân	Tỷ đồng/người/tháng	4,2

3. Kế hoạch Công ty mẹ

a) Kế hoạch tài chính

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	56.302,6
+	<i>Trong đó: -Vốn điều lệ cuối kỳ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>31.005,0</i>
+	<i>Tỷ lệ tham gia của Tập đoàn</i>	<i>%</i>	<i>92,1%</i>
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	95.079,8
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.420,9
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.278,8
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	%	2,3%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	4,1%
7	Hệ số nợ/vốn điều lệ	Lần	<3
8	Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ	%	3,0%
	- Chia cổ tức	Tỷ đồng	930,1
9	Cổ tức/ lợi nhuận nộp Tập đoàn	Tỷ đồng	856,9
10	Chia cổ tức cho cổ đông khác	Tỷ đồng	73,3
11	Nộp NSNN	Tỷ đồng	10.585,6



b) Kế hoạch vốn đầu tư

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	1.336,7
1.1	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	994,3
1.2	Mua sắm TTB/TSCĐ	Tỷ đồng	342,4
2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	1.336,7
-	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.336,7
-	Vốn vay khác	Tỷ đồng	-

Ghi chú:

- Tổng Giám đốc thường xuyên thường xuyên rà soát/đánh giá, sắp xếp các hạng mục đầu tư XDCB và mua sắm TTB&TSCĐ theo thứ tự ưu tiên cấp thiết. Xây dựng phương án cân đối vốn cụ thể cho từng hạng mục đầu tư XDCB và mua sắm TTB&TSCĐ, đảm bảo triển khai công tác đầu tư XDCB và mua sắm TTB&TSCĐ theo khả năng tài chính của Công ty, đảm bảo tuân thủ quy định, pháp luật.
- Chỉ thực hiện đầu tư XDCB và mua sắm TTB&TSCĐ sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục theo quy định của Nhà nước, pháp luật. Chịu trách nhiệm về hiệu quả, tiến độ thực hiện đầu tư, sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn.

4. Kế hoạch giá thành

Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
I	Giá thành xuất xưởng		
1	Polypropylene	Triệu đồng/tấn	27,52
2	LPG	Triệu đồng/tấn	14,00
3	Xăng E5 RON 92	Triệu đồng/tấn	17,60
4	Xăng RON 91/92	Triệu đồng/tấn	17,17
5	Xăng RON 95	Triệu đồng/tấn	17,46
6	Jet A1	Triệu đồng/tấn	15,43
7	Diesel Oil	Triệu đồng/tấn	14,64
8	Fuel Oil	Triệu đồng/tấn	9,68
II	Giá thành tiêu thụ (bao gồm cả chi phí bán hàng và chi phí quản lý)		
1	Polypropylene	Triệu đồng/tấn	27,84
2	LPG	Triệu đồng/tấn	14,23

430
CỔ
CƠ
ĐÀ
NG
QU.



Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
3	Xăng E5 RON 92	Triệu đồng/tấn	17,83
4	Xăng RON 91/92	Triệu đồng/tấn	17,39
5	Xăng RON 95	Triệu đồng/tấn	17,68
6	Jet A1	Triệu đồng/tấn	15,66
7	Diesel Oil	Triệu đồng/tấn	14,85
8	Fuel Oil	Triệu đồng/tấn	9,82

Ghi chú:

- Giá dầu thô Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2024 là 70 USD/thùng. Tỷ giá quy đổi là 23.500 VNĐ/USD.



PHỤ LỤC 2
KẾ HOẠCH TỔNG DOANH THU, LỢI NHUẬN, NỘP NSNN NĂM 2024
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN (BSR)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **1690**NQ-BSR ngày **30/5/2024** của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn)

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
A	Tổng doanh thu, lợi nhuận, nộp NSNN toàn Công ty (Hợp nhất)			
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	95.274,4	
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.291,3	
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.148,2	
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	10.597,6	
5	Năng suất lao động bình quân (theo doanh thu)	Tỷ đồng/người/tháng	4,2	
I	Hoạt động SXKD trực tiếp Công ty mẹ			
1	Doanh thu	Tỷ đồng	95.072,5	
2	Chi phí	Tỷ đồng	93.659,0	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.413,6	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.272,2	
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	10.585,6	
II	Hoạt động của các công ty thành viên			
1	Công ty Nhiên liệu sinh học Miền Trung			
	- Vốn điều lệ	Tỷ đồng	1.132,4	
	- Tỷ lệ tham gia góp vốn của Công ty mẹ	%	61,0	
	- Doanh thu	Tỷ đồng	2,3	
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-136,7	
	- Lợi nhuận trích nộp về Công ty mẹ	Tỷ đồng	0,0	
2	Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn			
	- Vốn điều lệ	Tỷ đồng	175,2	
	- Tỷ lệ tham gia góp vốn của Công ty mẹ	%	83,3	
	- Doanh thu	Tỷ đồng	568,0	
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	12,7	
	- Lợi nhuận trích nộp về Công ty mẹ	Tỷ đồng	7,1	
B	Các chỉ tiêu Công ty mẹ - BSR			
I	Vốn chủ sở hữu		Tỷ đồng	56.302,6
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	31.005,0	
2	Tỷ lệ tham gia của Tập đoàn	%	92,12%	
II	Tổng doanh thu		Tỷ đồng	95.079,6
1	Doanh thu trực tiếp Công ty mẹ	Tỷ đồng	95.072,5	
2	Doanh thu từ các công ty thành viên	Tỷ đồng	7,1	
III	Tổng chi phí		Tỷ đồng	93.659,0
1	Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	91.374,7	
2	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	883,0	
3	Chi phí quản lý	Tỷ đồng	547,5	
4	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	853,8	

356
TỶ
LỢI
NHUẬN
DẦU
KHÍ
BÌNH
SƠN
NG



Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
IV	Trích lập dự phòng ĐTTC	Tỷ đồng	-	
V	Lãi (lỗ)	Tỷ đồng	1.420,7	
VI	Xử lý tài chính			
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.420,7	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	142,1	
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.278,6	
4	Trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2023	Tỷ đồng	2.970,2	NQ số 1575/NQ-BSR ngày 23/5/2024 của ĐHĐCĐ
	- Quỹ đầu tư phát triển	Tỷ đồng	2.626,5	
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tỷ đồng	343,7	
5	Nộp Tập đoàn từ kết quả hoạt động SXKD năm 2023	Tỷ đồng	2.102,2	
	- Phí quản lý thương hiệu	Tỷ đồng	102,9	TB số 1975/DKVN-TCKT ngày 27/3/2024
	- Cổ tức/lợi nhuận nộp về Tập đoàn	Tỷ đồng	1.999,3	
6	Phần cổ tức/lợi nhuận cho Công ty mẹ PVN được ghi nhận vào Doanh thu tài chính Công ty mẹ PVN trong năm kế hoạch	Tỷ đồng	-	
	- Lợi nhuận từ các kỳ trước	Tỷ đồng	-	
	- Lợi nhuận từ kết quả kinh doanh năm 2023 ứng trước trong năm 2023	Tỷ đồng	-	
7	Tỷ lệ chia cổ tức từ KQKD năm 2023	%	7,0%	NQ số 1575/NQ-BSR ngày 23/5/2024 của ĐHĐCĐ

C.I.C.P
★

